



**Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản
Hà Giang**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 5100101762

Ngày 28 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5100101762 ngày 3 tháng 6 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Giang cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Chủ tịch
Ông Ma Ngọc Tiến	Thành viên
Ông Vũ Trí Thức	Thành viên
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên
Ông Tạ Hồng Thăng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hữu Trọng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lương Thanh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Ma Ngọc Tiến	Giám đốc
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc
Ông Đào Xuân Tuất	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

390 Đường Nguyễn Trãi
Thành phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 35 đã được lập và trình bày để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ma Ngọc Tiên
Giám đốc

Hà Giang, 11-08-2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Cơ sở của kết luận ngoại trừ

(a) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Như được trình bày tại Thuyết minh 9(b) trong báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng ("CISCO") với giá gốc là 64.676 triệu VND (1/1/2017: 69.470 triệu VND).

- (i) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào CISCO căn cứ lần lượt vào báo cáo tài chính chưa được soát xét cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của CISCO. Nếu Công ty thực hiện việc trích lập dự phòng này theo hướng dẫn của Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013, tức là căn cứ vào báo cáo tài chính của CISCO tại thời điểm trích lập dự phòng, một số khoản mục của báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty sẽ thay đổi như sau:
- Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017: dự phòng đầu tư tài chính dài hạn sẽ tăng thêm 15.342 triệu VND, thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước tăng thêm 548 triệu VND, lợi nhuận chưa phân phối giảm đi 14.794 triệu VND; và
 - Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: chi phí tài chính sẽ giảm đi 15.342 triệu VND, chi phí thuế TNDN hiện hành sẽ tăng thêm 726 triệu VND và lợi nhuận sau thuế TNDN sẽ tăng thêm 14.616 triệu VND.
- (ii) Chúng tôi không thu thập được báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của CISCO và chúng tôi cũng không thể thực hiện thủ tục soát xét thay thế thích hợp về tính đầy đủ và tính chính xác của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư vào CISCO tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và ảnh hưởng nếu có của các điều chỉnh này đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày.

(b) Khoản phải trả đóng góp cho địa phương

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2011 và Quyết định số 2621/2012/QĐ-UBND ngày 3 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang về việc quy định tạm thời mức đóng góp từ hoạt động khai thác khoáng sản để đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và xây dựng công trình phúc lợi trên địa bàn Tỉnh Hà Giang, Công ty có có nghĩa vụ đóng góp cho địa phương để đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và công trình phúc lợi.



Căn cứ Công văn số 109/BC-CT ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Cục thuế Tỉnh Hà Giang về việc đề nghị Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang xem xét báo cáo thường trực Hội đồng Nhân dân Tỉnh về việc tạm dừng thực hiện thu khoản đóng góp nêu trên, Công ty đã tạm dừng trích chi phí phải đóng góp cho địa phương cho kỳ từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 với tổng số tiền là 18.900 triệu VND, đồng thời hoàn nhập số chi phí phải đóng góp cho địa phương đã được Công ty trích lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 vào thu nhập khác trong năm 2016 với số tiền là 15.750 triệu VND.

Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang chưa đưa ra quyết định đối với việc tạm dừng thu đối với các khoản đóng góp cho địa phương nêu trên. Nếu Công ty ghi nhận đầy đủ khoản chi phí phải đóng góp cho địa phương theo quy định hiện hành, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, phải trả ngắn hạn khác sẽ tăng thêm và lợi nhuận chưa phân phối sẽ giảm đi đồng thời 34.650 triệu VND (1/1/2017: 30.870 triệu VND) và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, chi phí khác sẽ tăng thêm, lợi nhuận kế toán trước thuế và lợi nhuận sau thuế TNDN sẽ giảm đi đồng thời 3.780 triệu VND.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở của kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khác khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm và kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2016 tương ứng được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến khoản phải trả đóng góp cho địa phương trong báo cáo kiểm toán ngày 20 tháng 3 năm 2017 và kết luận ngoại trừ liên quan đến khoản dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng và khoản phải trả đóng góp cho địa phương trong báo cáo soát xét ngày 10 tháng 8 năm 2016.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-069



Dàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		142.664.400.503	133.503.312.272
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	39.006.510.331	45.186.541.362
Tiền	111		22.007.048.195	8.436.871.362
Các khoản tương đương tiền	112		16.999.462.136	36.749.670.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		75.800.000.000	62.800.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	75.800.000.000	62.800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.771.851.952	3.051.382.908
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		257.407.998	237.386.988
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.269.798.482	1.596.792.482
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	6.970.886.325	1.943.444.291
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(726.240.853)	(726.240.853)
Hàng tồn kho	140	12	19.637.883.765	20.605.751.958
Hàng tồn kho	141		19.637.883.765	20.605.751.958
Tài sản ngắn hạn khác	150		448.154.455	1.859.636.044
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		101.713.233	92.405.015
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.679.579.388
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	346.441.222	87.651.641

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		96.042.998.148	116.814.576.053
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.690.488.187	1.461.211.296
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	1.690.488.187	1.461.211.296
Tài sản cố định	220		34.832.123.409	35.087.785.299
Tài sản cố định hữu hình	221	13	7.947.702.575	6.886.671.704
Nguyên giá	222		47.818.646.371	44.269.308.055
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.870.943.796)	(37.382.636.351)
Tài sản cố định vô hình	227	14	26.884.420.834	28.201.113.595
Nguyên giá	228		46.168.552.193	46.168.552.193
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.284.131.359)	(17.967.438.598)
Tài sản dở dang dài hạn	240		9.093.036.765	9.149.450.793
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	9.093.036.765	9.149.450.793
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(b)	49.757.632.326	69.893.032.755
Đầu tư vào công ty liên kết	252		12.756.900.240	12.756.900.240
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		65.176.000.000	69.969.880.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(28.175.267.914)	(12.833.747.485)
Tài sản dài hạn khác	260		669.717.461	1.223.095.910
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	669.717.461	1.223.095.910
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		238.707.398.651	250.317.888.325

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		34.713.861.861	38.218.860.996
Nợ ngắn hạn	310		21.096.578.979	24.571.668.114
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	1.821.565.758	1.579.768.503
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	15.420.577.413	16.866.950.784
Phải trả người lao động	314		1.594.048.200	2.430.992.500
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		271.410.732	293.050.732
Phải trả ngắn hạn khác	319		786.387.799	433.197.167
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.202.589.077	2.967.708.428
Nợ dài hạn	330		13.617.282.882	13.647.192.882
Phải trả dài hạn khác	337		9.000.000	9.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	13.608.282.882	13.638.192.882
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	20	203.993.536.790	212.099.027.329
Vốn chủ sở hữu	410	20	203.993.536.790	212.099.027.329
Vốn cổ phần	411	21	126.000.000.000	126.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		126.000.000.000	126.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.500.000.000	4.500.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(42.833.907.079)	(42.833.907.079)
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	107.025.722.491	107.025.722.491
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.103.464.642	1.103.464.642
Lợi nhuận chưa phân phối	421		8.198.256.736	16.303.747.275
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.998.883.275	769.074.839
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		6.199.373.461	15.534.672.436
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		238.707.398.651	250.317.888.325

11-08-2017

Người lập:



Hoàng Lê Khanh
Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng:



Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mã Ngọc Tiên
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Tổng doanh thu bán hàng	01	25	50.443.143.794	37.012.006.191
Giá vốn hàng bán	11		24.890.128.218	29.694.659.234
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		25.553.015.576	7.317.346.957
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.539.094.138	1.848.449.803
Chi phí hoạt động tài chính	22	27	15.341.520.429	278.504.080
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	7.388.889
Chi phí bán hàng	25		617.251.748	602.873.821
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	5.536.548.799	4.905.193.887
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		7.596.788.738	3.379.224.972
Thu nhập khác	31		39.769.091	57.824.546
Chi phí khác	32		309.420.000	733.826.223
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(269.650.909)	(676.001.677)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.327.137.829	2.703.223.295
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	801.481.554	273.189.119
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		6.525.656.275	2.430.034.176
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	520	196

11-08-2017

Người lập:



Hoàng Lê Khanh
 Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng:



Đỗ Khắc Hùng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mã Ngọc Tiên
 Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		7.327.137.829	2.703.223.295
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		3.805.000.206	4.363.653.611
Các khoản dự phòng	03		15.311.610.429	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(46.199.857)	209.620.541
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.492.894.281)	(1.786.610.014)
Chi phí lãi vay	06		-	7.388.889
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		22.904.654.326	5.497.276.322
Biến động các khoản phải thu	09		1.744.226.550	(907.265.445)
Biến động hàng tồn kho	10		967.868.193	4.456.652.699
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(1.709.969.784)	(6.673.215.812)
Biến động chi phí trả trước	12		544.070.231	(44.959.245)
			24.450.849.516	2.328.488.519
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(7.388.889)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.010.669.727)	(221.239.571)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.091.402.165)	(194.116.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.348.777.624	1.905.744.059

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(3.492.924.288)	(787.651.404)
Gửi tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	23		(75.800.000.000)	-
Rút tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	24		62.800.000.000	(23.900.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		3.222.779.776	1.552.486.705
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.270.144.512)	(23.135.164.699)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		-	2.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(2.000.000.000)
Tiền trả cổ tức	36		(14.304.864.000)	(14.899.525.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.304.864.000)	(14.899.525.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(6.226.230.888)	(36.128.945.640)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		45.186.541.362	99.710.404.514
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		46.199.857	(209.620.541)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	39.006.510.331	63.371.838.333

11-08-2017

Người lập:



Hoàng Lê Khanh
Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng:



Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mã Ngọc Tiến
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là khai thác và chế biến kim loại antimon.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 164 nhân viên (1/1/2017: 172 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 7 – 48 năm.

(ii) Quyền khai thác khoáng sản

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3940/QĐ/ĐCKS (“Giấy phép”) ngày 27 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), Công ty được cấp quyền khai thác khoáng sản tại Xã Mậu Duệ, Huyện Yên Minh, Tỉnh Hà Giang trong vòng 30 năm kể từ ngày ký Giấy phép. Quyền khai thác khoáng sản được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của Quyền khai thác khoáng sản là tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo Quyết định số 3068/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quặng antimon tại Mỏ Mậu Duệ, Xã Mậu Duệ, Huyện Yên Minh, Tỉnh Hà Giang. Quyền khai thác khoáng sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 14 năm.

(iii) Bản quyền, bằng sáng chế

Bản quyền, bằng sáng chế bao gồm chi phí mua các phát minh liên quan đến công nghệ khai thác mỏ. Chi phí mua đã vốn hóa được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong đó khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(iv) Chi phí thăm dò và đánh giá

Chi phí thăm dò và đánh giá bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp cho các hoạt động thăm dò nhằm xác định điểm quặng antimon trong khu vực mỏ. Các chi phí này được vốn hóa và phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong đó khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 – 5 năm.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí khôi phục môi trường

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản cấp ngày 27 tháng 12 năm 1996, Công ty có nghĩa vụ thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi nguyên trạng mặt bằng đất và môi trường của mỏ tại Xã Mậu Duệ, Huyện Yên Minh, Tỉnh Hà Giang mà Công ty đã khai thác vào thời điểm kết thúc thời hạn khai thác. Dự phòng được lập dựa trên lãi suất chiết khấu là 7,7%/năm.

Lãi suất chiết khấu áp dụng là lãi suất trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường về giá trị thời gian của tiền và các rủi ro cụ thể liên quan đến khoản phải trả mà chưa được bao gồm trong ước tính tốt nhất về các khoản chi.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là khai thác và chế biến khoáng sản, và một khu vực địa lý, là Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, các nhân viên quản lý chủ chốt của Công ty, các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan và công ty liên kết của Công ty.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có bộ phận kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Ban Giám đốc Công ty đã trích lập thêm 15.342 triệu VND dự phòng đầu tư tài chính cho khoản đầu tư vào CISCO căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của CISCO (Thuyết minh 9(b)). Ngoài ra, Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty trong kỳ.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	756.654.714	612.017.188
Tiền gửi ngân hàng	21.250.393.481	7.824.854.174
Các khoản tương đương tiền	16.999.462.136	36.749.670.000
	<hr/>	<hr/>
	39.006.510.331	45.186.541.362
	<hr/>	<hr/>

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2017						1/1/2017					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:												
<i>Công ty liên kết</i>												
• Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương	613.116	35,70%	35,70%	12.756.900.240	-	(ii)	613.116	35,70%	35,70%	12.756.900.240	-	(ii)
Đơn vị khác												
• Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng (i)	3.687.600	9,58%	9,58%	64.676.000.000	(28.175.267.914)	(ii)	4.166.988	9,69%	9,69%	69.469.880.000	(12.833.747.485)	(ii)
• Quỹ Đầu tư, phát triển và bảo lãnh tín dụng Tỉnh Hà Giang				500.000.000	-	(ii)				500.000.000	-	(ii)
				77.932.900.240	(28.175.267.914)	(ii)				82.726.780.240	(12.833.747.485)	(ii)

(i) Ngày 4 tháng 5 năm 2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 436/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng (“CISCO”) liên quan đến việc CISCO đã thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng để tăng vốn điều lệ trong khoảng thời gian từ ngày 29 tháng 5 năm 2015 đến ngày 1 tháng 7 năm 2015 nhưng không đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Theo đó, Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng phải thu hồi chứng khoán đã chào bán và hoàn trả cho các nhà đầu tư tiền mua chứng khoán. Trong kỳ, Công ty đã phân loại khoản tiền đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng trong thời gian nói trên sang khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 10(a)).

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã không thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của CISCO. Ban Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính cho khoản đầu tư này căn cứ vào báo cáo tài chính chưa được soát xét cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của CISCO.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của CISCO. Ban Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính cho khoản đầu tư này căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của CISCO.

- (ii) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên	344.996.815	376.153.709
Phải thu lại tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng (Thuyết minh 9(b))	4.793.880.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	1.681.498.902	1.411.384.397
Phải thu ngắn hạn khác	150.510.608	155.906.185
	6.970.886.325	1.943.444.291

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường các mỏ	1.515.047.787	1.285.770.896
Các khoản đặt cọc khác	175.440.400	175.440.400
	1.690.488.187	1.461.211.296

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2017 và 1/1/2017		Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Nợ quá hạn				
Doanh nghiệp Tư nhân Xí nghiệp				
Xây lắp Thành Đồng	Trên 3 năm	202.440.273	(202.440.273)	-
Công ty TNHH Hạ Long	Trên 3 năm	455.840.600	(455.840.600)	-
Khách hàng khác	Trên 3 năm	67.959.980	(67.959.980)	-
		726.240.853	(726.240.853)	-
<i>Trong đó:</i>				
			(726.240.853)	

12. Hàng tồn kho

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Nguyên vật liệu	3.644.477.757	3.649.357.749
Công cụ và dụng cụ	458.000.605	329.869.497
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.223.378.260	-
Thành phẩm	14.312.027.143	16.626.524.712
	19.637.883.765	20.605.751.958

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	18.294.603.631	19.784.219.358	5.665.326.866	525.158.200	44.269.308.055
Tăng trong kỳ	-	206.950.000	3.150.478.000	-	3.357.428.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	191.910.316	-	-	-	191.910.316
Số dư cuối kỳ	18.486.513.947	19.991.169.358	8.815.804.866	525.158.200	47.818.646.371
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	15.295.908.684	16.613.635.348	4.963.649.611	509.442.708	37.382.636.351
Khấu hao trong kỳ	1.017.291.409	1.055.965.022	404.574.020	10.476.994	2.488.307.445
Số dư cuối kỳ	16.313.200.093	17.669.600.370	5.368.223.631	519.919.702	39.870.943.796
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	2.998.694.947	3.170.584.010	701.677.255	15.715.492	6.886.671.704
Số dư cuối kỳ	2.173.313.854	2.321.568.988	3.447.581.235	5.238.498	7.947.702.575

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 15.455 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 15.455 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Quyền khai thác khoáng sản VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Chi phí thăm dò và đánh giá VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	2.827.595.455	40.643.520.837	380.554.359	2.316.881.542	46.168.552.193
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	684.689.247	14.585.313.450	380.554.359	2.316.881.542	17.967.438.598
Khấu hao trong kỳ	57.467.694	1.259.225.067	-	-	1.316.692.761
Số dư cuối kỳ	742.156.941	15.844.538.517	380.554.359	2.316.881.542	19.284.131.359
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	2.142.906.208	26.058.207.387	-	-	28.201.113.595
Số dư cuối kỳ	2.085.438.514	24.798.982.320	-	-	26.884.420.834

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.697 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 2.697 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	9.149.450.793	13.034.841.998
Tăng trong kỳ	135.496.288	2.314.418.475
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(191.910.316)	(36.199.304)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	9.093.036.765	15.313.061.169

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Dự án Thăm dò nâng cấp trữ lượng		
Mỏ Antimon Mậu Duệ	5.182.837.761	5.106.059.689
Dự án Nhà máy tuyển quặng antimon Mậu Duệ	1.703.504.827	1.703.504.827
Dự án Mở rộng và nâng cấp bãi thải số 1,		
Mỏ Antimon Mậu Duệ	2.032.333.268	2.012.333.268
Dự án khác	174.360.909	327.553.009
	<hr/>	<hr/>
	9.093.036.765	9.149.450.793

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ
	VND
Số dư đầu kỳ	1.223.095.910
Tăng trong kỳ	109.226.000
Phân bổ trong kỳ	(662.604.449)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	669.717.461

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Thuận An	659.577.380	250.798.900
Công ty TNHH MTV Hùng Ngọc	1.083.204.738	1.156.222.573
Các nhà cung cấp khác	78.783.640	172.747.030
	<hr/>	<hr/>
	1.821.565.758	1.579.768.503
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2017		Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	30/6/2017	
	Phải thu VND	Phải trả VND			Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế						
Thuế giá trị gia tăng	-	1.973.938	21.323.014	(19.320.043)	-	3.976.909
Thuế xuất khẩu	-	-	2.665.328.640	(2.665.328.640)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	87.651.641	-	801.481.554	(1.010.669.727)	296.839.814	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	9.389.082	549.136.445	(565.158.740)	49.601.408	42.968.195
Thuế tài nguyên	-	605.157.300	2.856.732.300	(3.101.430.600)	-	360.459.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	241.168.100	(241.168.100)	-	-
Các khoản phải nộp khác						
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (*)	-	16.208.683.000	-	(1.221.440.000)	-	14.987.243.000
Phí môi trường	-	41.747.464	215.076.189	(230.893.344)	-	25.930.309
Phí và lệ phí khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	87.651.641	16.866.950.784	7.353.246.242	(9.058.409.194)	346.441.222	15.420.577.413

(*) Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nộp theo Quyết định 3068/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quặng antimon tại Mỏ Mậu Duệ, Xã Mậu Duệ, Huyện Yên Minh, Tỉnh Hà Giang. Số dư tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 thể hiện số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phải nộp từ ngày 1 tháng 7 năm 2017 đến năm 2022 là 13.028.694.000 VND và số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 3.179.989.000 VND (Nhà nước tạm thời chưa thu theo Văn bản số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ). Theo Thông báo số 11/TB-CT ngày 13 tháng 1 năm 2017 của Cục thuế Tỉnh Hà Giang, số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2017 là 1.221.440.000 VND.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Chi phí khôi phục môi trường VND
Số dư đầu kỳ	13.638.192.882
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(29.910.000)
Số dư cuối kỳ	<u>13.608.282.882</u>

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	126.000.000.000	4.500.000.000	(42.833.907.079)	107.025.722.491	1.103.464.642	7.198.491.144	202.993.771.198
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	2.430.034.176	2.430.034.176
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(564.052.536)	(564.052.536)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(5.960.360.000)	(5.960.360.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	126.000.000.000	4.500.000.000	(42.833.907.079)	107.025.722.491	1.103.464.642	3.104.112.784	198.899.392.838
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	126.000.000.000	4.500.000.000	(42.833.907.079)	107.025.722.491	1.103.464.642	16.303.747.275	212.099.027.329
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	6.525.656.275	6.525.656.275
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(326.282.814)	(326.282.814)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	(14.304.864.000)	(14.304.864.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	126.000.000.000	4.500.000.000	(42.833.907.079)	107.025.722.491	1.103.464.642	8.198.256.736	203.993.536.790

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	12.600.000	126.000.000.000	12.600.000	126.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	12.600.000	126.000.000.000	12.600.000	126.000.000.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	679.280	6.792.800.000	679.280	6.792.800.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	11.920.720	119.207.200.000	11.920.720	119.207.200.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 31 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 14.305 triệu VND (năm 2016: 5.960 triệu VND).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	605.660.160	231.025.455

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	759.951	17.251.380.337	279.543	6.351.207.557
CNY	2.869	9.437.505	974	3.190.785
		17.260.817.842		6.354.398.342

(c) Vàng tiền tệ

	30/6/2017		1/1/2017	
	Khối lượng (chỉ)	Giá gốc VND	Khối lượng (chỉ)	Giá gốc VND
SJC	19,22	71.882.800	19,22	71.882.800

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.482.894.281	1.173.494.014
Cổ tức	10.000.000	613.116.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	46.199.857	61.839.789
	<hr/>	<hr/>
	3.539.094.138	1.848.449.803
	<hr/>	<hr/>

27. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	7.388.889
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	15.341.520.429	-
Khác	-	271.115.191
	<hr/>	<hr/>
	15.341.520.429	278.504.080
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.900.484.678	3.531.592.019
Chi phí khấu hao và phân bổ	318.838.168	364.883.664
Thuế, phí và lệ phí	32.284.510	69.805.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	366.395.203	240.032.773
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	918.546.240	698.879.833
	<hr/>	<hr/>
	5.536.548.799	4.905.193.887
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	5.395.565.116	4.259.142.091
Chi phí nhân viên	10.802.855.664	9.565.899.260
Chi phí khấu hao	3.805.000.206	4.363.653.611
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.886.138.523	5.854.187.794
Chi phí khác	5.063.249.947	5.753.224.301

30. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	801.481.554	273.189.119

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	7.327.137.829	2.703.223.295
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	732.713.783	270.322.330
Ưu đãi thuế	-	(175.301.484)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	-	52.485.400
Thu nhập được miễn thuế	-	(122.623.200)
Chi phí không được khấu trừ thuế	68.767.771	248.306.073
	801.481.554	273.189.119

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp có liên quan, Công văn số 3654/TCT-CS ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Tổng cục thuế và Công văn số 555/CT-KTT ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Cục thuế Tỉnh Hà Giang, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006 đến năm 2020), được miễn thuế trong 2 năm kể từ khi có lãi (từ năm 2006 đến năm 2007) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2016). Sau thời gian hưởng ưu đãi, Công ty sẽ áp dụng mức thuế suất phổ thông theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất phổ thông là 20%.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phần bỏ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 11.920.720 cổ phiếu, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	6.525.656.275	2.430.034.176
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(326.282.814)	(94.996.231)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	6.199.373.461	2.335.037.945
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	11.920.720	11.920.720
	520	196

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể)		
Cổ tức đã trả	7.051.536.000	2.938.140.000
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.053.667.700	866.974.800
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	977.480.200	821.332.500

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Chuyển khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác sang khoản phải thu ngắn hạn khác	4.793.880.000	-

11-08-2017

Người lập:



Hoàng Lê Khanh
Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng:



Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ma Ngọc Tiến
Giám đốc